

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 53/2020/DS-ST

Ngày 24/9/2020

“*V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà H' Luyên Niê và bà Trần Thị Xanh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST- DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2020/QĐST-DS ngày 08/9/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C

Trụ sở: Số 169, phố L, phường P, quận M, TP.Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Huỳnh Quang D – Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng huyện Đ; là người đại diện theo ủy quyền, theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng C; có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Văn H1; có đơn xin xét xử mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 9 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Huỳnh Quang D người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 trước đây là vợ chồng (đã ly hôn từ năm 2009) có vay vốn tại Ngân hàng Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Đ, trên cơ sở

các khế ước vay vốn, cụ thể:

Tại khế ước số AA 1542484 (6000006400059785) ngày 15/9/2005 bà H và ông H1 có vay của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Đăk Song số tiền gốc là 7.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,5%/ tháng, mục đích vay chăm sóc cà phê, lãi suất quá hạn là 130%/ lãi suất khi vay, thời hạn trả nợ ngày 15/9/2007. Quá trình thực hiện bà H có trả cho Ngân hàng tổng số tiền lãi là 980.000 đồng, thời hạn trả lãi đến ngày 21/12/2007. Từ năm 2008 đến nay không trả lãi cũng như gốc nên Ngân hàng đã chuyển số nợ này sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã khoan nợ cho bà H và ông H1 từ năm 2014, ngày chuyển nợ quá hạn ngày 06/6/2019. Quá trình thực hiện bà H đã xin gia hạn nhiều lần nhưng không trả, mặc dù Ngân hàng đã đòi nhiều lần.

* Dư nợ hiện tại tính đến ngày 24/9/2020 đối với khế ước vay vốn trên là:

+ Nợ tiền gốc: 7.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn là 541.972 đồng

+ Lãi quá hạn: 162.587 đồng

Tại khế ước số XKPH 0002 (6000006400059786) ngày 04/10/2007 bà H và ông H1 có vay của Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện Đ số tiền gốc là 18.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,65%/ tháng, mục đích vay làm các thủ tục liên quan đến xuất khẩu lao động đi nước ngoài, lãi suất quá hạn là 130%/ lãi suất khi vay, thời hạn vay là 18 tháng, thời hạn trả nợ ngày 04/4/2009. Quá trình thực hiện bà H không trả lãi cũng như gốc nên Ngân hàng đã chuyển số nợ này sang nợ quá hạn, Ngân hàng đã khoan nợ cho bà H và ông H1 từ ngày 11/6/2014, ngày chuyển nợ quá hạn 06/6/2019. Quá trình thực hiện bà H đã xin gia hạn nhiều lần nhưng không trả, mặc dù Ngân hàng đã đòi nhiều lần.

* Dư nợ hiện tại tính đến ngày 24/9/2020 đối với khế ước vay vốn trên là:

+ Nợ tiền gốc: 18.000.000 đồng.

+ Lãi trong hạn là 1.905.339 đồng

+ Lãi suất quá hạn: 571.600 đồng

Vì vậy, để đảm bảo nguồn vốn hoạt động theo quy định, Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền nợ gốc của hai khế ước như trình bày trên là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 2.447.311 đồng, lãi quá hạn 734.187 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020.

Kể từ ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các khế ước số AA 1542484 ngày 15/9/2005, khế ước số XKPH 0002 ngày 04/10/2007 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H không lên làm việc. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai, công khai chứng cứ và hòa giải được vụ án nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn H1 Trình bày:

Ông H1 thừa nhận trong khi đang vợ chồng có vay Ngân hàng chính sách tổng cộng cả hai khế ước số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Hiện nay vợ chồng ông đã ly hôn. Tại thời điểm ly hôn ông H1 đồng ý giao hết tài sản cho bà H và bà H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng C. Tuy nhiên, trong Quyết định Thuận tình ly hôn không có vấn đề chia tài sản và cũng không có quyết định gì liên quan đến khoản nợ này là bà H có trách nhiệm trả. Vì vậy, anh H1 đồng ý số tiền này vay chung thì chịu chung. Hiện nay bà H và ông H1 đã ly hôn nên yêu cầu Tòa án chia theo phần để có căn cứ trả nợ theo quy định.

Do bị đơn bà Nguyễn Thị H không hợp tác nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng theo quy định của BLTTDS; bị đơn không chấp hành.

-Về nội dung:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 5, 7, 8, 11 Nghị định số 16/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng C.

Đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền nợ gốc của hai khế ước như trình bày trên là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 2.447.311 đồng, lãi quá hạn 734.187 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 28.181.498 đồng, chia theo phần, ông H1 có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tương ứng với phần được chia là 14.090.749 đồng, bà H có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tương ứng với phần được chia là 14.090.749 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020

Kể từ ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các khế ước số AA 1542484 ngày

15/9/2005, khế ước số XKPH 0002 ngày 04/10/2007 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tổ tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc của hai khế ước như trình bày trên là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 2.447.311 đồng, lãi quá hạn 734.187 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020. Hiện nay, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 có đăng ký hộ khẩu tại xã Đ. Vì vậy, Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định khoản 1 Điều 26 và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tổ tụng dân sự.

[2] Xét nội dung tranh chấp:

[2.1] Căn cứ các khế ước số AA 1542484 (6000006400059785) ngày 15/9/2005, khế ước số XKPH 0002 (6000006400059786) ngày 04/10/2007, các khoản vay trên bà H và ông H1 đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; hiện nay hai khoản vay này đã được Ngân hàng khoan nợ theo quy định. Số tiền vay này về sử dụng chăm sóc cà phê và làm thủ tục cho ông H1 đi lao động nước ngoài. Quá trình làm việc, do bà H và ông H1 đã ly hôn nên bà H khai là khoản vay này ông H1 đã trả nợ. Tuy nhiên, qua làm việc với ông H1, và các chứng cứ Ngân hàng cung cấp bà H chỉ nộp tiền lãi, còn tiền gốc ông H1 và bà H chưa trả đồng nào, tiền lãi chỉ trả được một phần, tính đến ngày xét xử bà H và ông H1 còn nợ Ngân hàng C tổng số tiền gốc theo các khế ước đã ký là 25.000.000 đồng (*Hai lăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 2.447.311 đồng, lãi quá hạn 734.187 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020. Tổng cộng cả gốc và lãi của các khế ước là 28.181.498 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi một nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng*). Do bà H và ông H1 đã ly hôn nên số nợ này chia theo phần, ông H1 có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tương ứng với phần được chia là 14.090.749 đồng, bà H có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tương ứng với phần được chia là 14.090.749 đồng.

Từ phân tích trên HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C là có căn cứ nên chấp nhận, (*có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử*).

Kể từ ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các khế ước số AA 1542484 ngày 15/9/2005, khế ước số XKPH 0002 ngày 04/10/2007 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

[3] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người liên quan phải chịu án toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.181.498 đồng đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi một nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng*) x 5% = 1.409.000 đồng, chia theo phần, bà H phải nộp là 704.500 đồng, ông H1 phải nộp là 704.500 đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1, 2, 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 93, khoản 1 Điều 96, Điều 143; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91, 94 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ Điều 5, 7, 8, 11 Nghị định số 16/2003/NĐ-CP ngày 22/01/2003 về việc phê duyệt Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng C.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng C toàn bộ số tiền nợ gốc của hai khế ước là 25.000.000 đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi trong hạn 2.447.311 đồng, lãi quá hạn 734.187 đồng, tổng cộng cả gốc và lãi là 28.181.498 đồng (*Hai mươi tám triệu một trăm tám mươi một nghìn bốn trăm chín mươi tám đồng*), chia theo phần, bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tương ứng với phần được chia là 14.090.749 đồng (*Mười bốn triệu không trăm chín mươi nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng*), ông Bùi Văn H1 có nghĩa vụ trả số tiền gốc và lãi tương ứng với phần được chia là 14.090.749 đồng, thời hạn tính lãi đến ngày 24/9/2020

Kể từ ngày 25/9/2020, bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 tiếp tục phải chịu lãi suất phát sinh theo thỏa thuận như hai bên ký kết theo các khế ước số AA 1542484 (6000006400059785) ngày 15/9/2005, khế ước số XKPH 0002 (6000006400059786) ngày 04/10/2007 tương ứng với thời gian và số tiền gốc chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Văn H1 phải nộp 1.409.000 đồng (*Một triệu bốn trăm linh chín nghìn đồng*), chia theo phần, bà H phải nộp là 704.500 đồng, ông H1

phải nộp là 704.500 đồng (*Bảy trăm linh bốn nghìn năm trăm đồng*). Ngân hàng C được miễn nộp tạm ứng ăn phí nên không đề cập giải quyết.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong bản án trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà